

Bản án số: 15/2019/DS-PT

Ngày: 04 - 11 - 2019

V/v tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Lịch.

Các Thẩm phán: Ông Lương Tiến Phương,

Bà Bùi Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà
Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019, về việc “tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 20/2019/QĐ-PT ngày 22/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị X - Sinh năm: 1953; địa chỉ: Số nhà 02, tổ dân phố 08, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thu H - Sinh năm: 1974, địa chỉ: Số nhà 26, tổ dân phố 01, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Thu H là bị đơn. Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị X trình bày:**

Ngày 20/9/2016, bà Trần Thị Thu H có vay của bà Phạm Thị X 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), khi vay tiền bà H và bà X có lập giấy vay tiền (Có chữ ký của hai bên). Nội dung giấy vay tiền hai bên thỏa thuận: Ngày 20/11/2016 bà H có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay cho bà X, lãi của khoản vay là 2%/01 tháng (Thỏa thuận về lãi không được ghi trong giấy vay tiền).

Đến ngày 20/6/2017, bà H tiếp tục vay của bà X thêm 40.000.000 đồng, do bà H hứa sẽ trả đủ cả số tiền 30 triệu đồng đã vay trước đó nên bà X tiếp tục cho bà H vay thêm 40 triệu đồng và viết giấy vay nợ (Có chữ ký của cả hai bên). Nội dung giấy vay nợ: Bà H vay của bà X 40.700.000 đồng (Trong đó: 40 triệu là tiền bà H vay bà X, 700.000 đồng là tiền bà H nợ khi bán dế cho bà X chưa trả), đến ngày 20/10/2017 bà H có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền trên cho bà X. Trong giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận về lãi, theo bà X lãi của khoản vay là 02%/01 tháng.

Đến ngày hai bên thỏa thuận, bà H vẫn chưa trả tiền cho bà X nên ngày 21/3/2019, bà X nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà X tổng số tiền cả gốc và lãi là 91.756.000 đồng (Chín mươi một triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

*** Tại bản tự khai ngày 01/4/2019, bản tự khai ngày 20/9/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn Trần Thị Thu H trình bày:**

Ngày 20/9/2016, bà H có đến nhà bà X vay 30.000.000 đồng (Khi vay tiền hai bên có ký kết giấy vay tiền), với lãi suất vay là 2.250.000 đồng/01 tháng (Lãi suất của khoản vay không được ghi trong giấy vay tiền), ngoài ra bà H phải trả trước cho bà X 4.500.000 đồng. Sau khi vay tiền, bà H có thực hiện việc trả tiền lãi mỗi tháng 2.250.000 đồng cho bà X, đến tháng 02 năm 2017 tổng số tiền lãi bà H đã trả cho bà X là 12.800.000 đồng (Vào tháng 02 năm 2017, bà H trả thiếu 700.000 đồng). Khi thực hiện việc trả lãi, bà X đưa giấy cho bà H ký, bà H không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh.

Từ tháng 02 năm 2017 đến ngày 20/6/2017, do bà H không thực hiện việc trả lãi cho bà X nên bà X đã yêu cầu bà H ký lại một giấy vay nợ mới với tổng số tiền vay là 40.700.000 đồng, trong đó: 30.000.000 đồng là tiền nợ gốc, 9.000.000 đồng là tiền lãi 04 tháng không trả, 1.000.000 đồng là tiền phạt trả chậm và 700.000 đồng là tiền lãi của tháng 02 năm 2017 bà H còn nợ bà X. Vì tin tưởng bà X, bà H đã ký giấy vay tiền thứ hai đề ngày 20/6/2017 và không lấy lại giấy vay tiền đề ngày 20/9/2016 mà hai bên đã ký trước đó, thực tế số tiền gốc bà H vay bà X là 30.000.000 đồng. Ngoài ra, trong thời gian kể từ ngày 20/6/2017, với số tiền 40.700.000 đồng bà H đã trả tiền lãi hàng tháng cho bà X 3.000.000 đồng/01 tháng, đến hết tháng 05 năm 2018, tổng số tiền lãi bà H trả cho bà X là 33.000.000 đồng. Khi trả tiền bà H có ký giấy cho bà X. Do đó, bà H chỉ chấp nhận số tiền vay của bà X là 30.000.000 đồng, bà đề nghị Tòa án tính lại số tiền lãi và xin được trả dần cho bà X cả gốc và lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 469 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X.

2. Buộc bà Trần Thị Thu H phải trả cho bà Phạm Thị X số tiền gốc là 70.700.000 đồng và số tiền lãi chậm trả của số tiền gốc trên tính đến ngày 25/7/2019 là 15.200.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi chậm trả bà H phải trả cho bà X là 85.900.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thi hành án của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, ngày 06/8/2019, Trần Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, đề nghị Tòa án hủy bản án dân sự sơ thẩm để xét xử lại, với lý do:

- Việc Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên buộc bà H trả cho bà X số tiền nợ gốc là 70.700.000 đồng là không chính xác, việc tính lãi không đúng theo giấy vay tiền.

- Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào đơn khởi kiện, giấy tờ của bà X để kết luận là không chính xác, lời khai của bà X trong các buổi hòa giải và tại phiên tòa là không rõ ràng và mâu thuẫn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị X phát biểu ý kiến: Không thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện; việc bà X cho bà H vay tiền vào ngày 20/9/2016 và ngày 20/6/2017 là có thật (Có giấy vay tiền có chữ ký của các bên), ngoài ra từ khi vay tiền cho đến nay bà H chưa thực hiện việc trả tiền lãi cho bà X. Do đó, bà X đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu H và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn bà Trần Thị Thu H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tại đơn kháng cáo đề ngày 06/8/2019 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên để xét xử lại. Do trong quá trình xét xử vụ án, Tòa án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, xác định sai số tiền nợ gốc, số tiền lãi bà phải thanh toán cho bà X. Số tiền 40.700.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 20/9/2017 gồm: 30.000.000 đồng bà H đã vay trước đó và tiền lãi phát sinh, thực tế bà H chỉ vay của bà X 30.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu H: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H thừa nhận vào ngày 20/9/2016 bà H có vay tiền của bà X, khi vay tiền hai bên có lập giấy vay (Có chữ ký của hai bên). Theo bà H số tiền vay 40.700.000 đồng theo giấy vay nợ đề ngày 20/6/2017 bao gồm: Tiền nợ gốc từ giấy vay tiền lần đầu ngày 20/9/2016 là 30.000.000 đồng; tiền lãi từ khoản vay là 9.000.000 đồng, 1.000.000 đồng tiền phạt chậm trả và 700.000 đồng tiền lãi còn nợ của tháng 02 năm 2017. Do đó, bà H không thừa nhận khoản vay 40.700.000 đồng vì số tiền này là tiền chốt lại từ giấy vay nợ lần đầu vào ngày 20/9/2016, tuy nhiên sau khi ký giấy vay nợ lần hai do tin tưởng bà X nên bà H đã không lấy lại giấy vay tiền lần đầu. Ngoài ra, từ khi vay tiền cho đến nay bà H đã thực hiện việc trả tiền lãi cho bà X đúng theo thỏa thuận giữa hai bên (Thỏa thuận về lãi không được ghi trong giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận miệng). Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, đồng thời bà H đã thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 20/6/2017 là chữ của bà. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị X, buộc bà Trần Thị Thu H phải trả cho bà X tổng số tiền: 85.900.000 đồng, trong đó: 70.700.000 đồng là tiền gốc; 15.200.000 đồng là tiền lãi chậm trả tính đến ngày 25/7/2019 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu H không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự tố tụng. Bà Trần Thị Thu H có đơn kháng cáo đề ngày 06/8/2019 là trong thời hạn pháp luật quy định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Thu H không nhất trí trả cho bà Phạm Thị X số tiền nợ gốc 70.700.000 đồng và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên để điều tra, xét xử lại, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 20/9/2019, bà Phạm Thị X có cho bà Trần Thị Thu H vay số tiền 30.000.000 đồng nhưng không ghi lãi suất trong giấy vay, hai bên thỏa thuận

đến ngày 20/11/2016 bà H sẽ trả cho bà X số tiền trên nhưng đến hạn bà H không trả số tiền trên theo như thỏa thuận trong giấy vay tiền.

Ngày 20/6/2017, bà Trần Thị Thu H tiếp tục vay của bà Phạm Thị X số tiền 40.700.000 đồng nhưng không ghi lãi suất trong giấy vay, hai bên thỏa thuận đến ngày 20/10/2017 bà H sẽ trả cho bà X số tiền đã vay trên nhưng đến hạn bà H không trả theo như thỏa thuận trong giấy vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cũng như bản tự khai ngày 20/9/2019 bà Phạm Thị X vẫn khẳng định việc bà cho bà Trần Thị Thu H vay số tiền 30.000.000 đồng (theo giấy vay tiền đề ngày 20/9/2016) và số tiền 40.700.000 đồng (theo giấy vay tiền đề ngày 20/6/2017), tổng số tiền bà X cho bà H vay là: 70.700.000 đồng, lãi suất hai bên không ghi trong giấy vay tiền mà tự thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2%/01 tháng là có thật. Đến nay bà H vẫn chưa tiền lãi và tiền gốc cho bà X, bà X vẫn tiếp tục yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền gốc là 70.700.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 01/4/2019 và ngày 20/9/2019 bà Trần Thị Thu H cho rằng: Ngày 20/9/2016, bà H có đến nhà bà X vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất là 2.250.000 đồng/01 tháng (Lãi suất này không ghi trong giấy vay tiền mà hai bên tự thỏa thuận miệng), sau khi vay tiền bà H phải trả trước cho bà X 4.500.000 đồng. Từ khi vay tiền, hàng tháng bà H vẫn trả tiền lãi cho bà X 2.250.000 đồng, đến tháng 02 năm 2017 tổng số tiền lãi bà H trả cho bà X là 12.800.000 đồng (Riêng tháng 02 năm 2017 bà H trả thiếu 700.000 đồng tiền lãi cho bà X). Từ tháng 02 năm 2017 đến ngày 20/6/2017, do bà H không trả lãi đầy đủ cho bà X nên bà X đã yêu cầu bà ký lại một giấy vay khác với tổng số tiền là 40.700.000 đồng, trong đó: 30.000.000 đồng là tiền nợ gốc, 9.000.000 đồng là tiền lãi 04 tháng không trả, 1.000.000 đồng tiền phạt trả chậm và 700.000 đồng tiền lãi của tháng 02 năm 2017 bà H còn nợ. Vì tin tưởng bà X, bà H đã ký giấy vay tiền thứ hai đề ngày 20/6/2017 và không lấy lại giấy vay tiền đề ngày 20/9/2016. Thực tế, số tiền gốc bà vay của bà X là 30.000.000 đồng. Bà H đã trả cho bà X 12.800.000 đồng tiền lãi, ngoài ra, trong thời gian từ ngày 20/6/2017 với số tiền vay là 40.700.000 đồng, bà H phải trả lãi hàng tháng cho bà X 3.000.000 đồng/01 tháng, tính đến hết tháng 05 năm 2018 tổng số tiền lãi bà H đã trả cho bà X 33.000.000 đồng tiền lãi. Tất cả những lần bà H trả tiền lãi cho bà X, bà chỉ ký vào giấy cho bà X chứ không lưu lại giấy tờ gì.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Việc bà Phạm Thị X cho bà Trần Thị Thu H vay số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 20/9/2016 và số tiền 40.700.000 đồng vào ngày 20/6/2017, tổng số tiền của hai giấy vay là 70.700.000 đồng đã được hai bên ký kết, hạn thời gian trả nợ là có thật. Bà X đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không trả. Bà Trần Thị Thu H cho rằng quá trình vay mượn tiền của bà X, bà đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi hàng tháng và bà chỉ thừa nhận có vay 30.000.000 đồng vào ngày 20/9/2016, còn giấy vay 40.700.000 đồng đề ngày 20/6/2017 là do chậm trả lãi nên ghi lại giấy vay mới mà không hủy giấy vay cũ. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc

thẩm, bà Trần Thị Thu H không xuất trình, giao nộp, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, bác bỏ các khoản nợ và các khoản đã trả cho bà X.

Từ các phân tích trên, bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tổng số tiền 85.900.000 đồng bao gồm tiền gốc và lãi là có căn cứ, đúng pháp luật, nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu H không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu H không được chấp nhận, căn cứ quy định của pháp luật bị đơn bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự,

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thu H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X. Buộc bà Trần Thị Thu H phải trả cho bà Phạm Thị X số tiền gốc là 70.700.000 đồng và số tiền lãi chậm trả của số tiền gốc trên tính đến ngày 25/7/2019 là 15.200.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi chậm trả bà H phải trả cho bà X là 85.900.000 đồng (Tám mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (bà Phạm Thị X) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án (bà Trần Thị Thu H) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền 2.293.900 đồng tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002238 ngày 21/3/2019; hoàn trả lại cho bà X số tiền 1.993.900 đồng tiền tạm ứng án phí bà

đã nộp. Bà Trần Thị Thu H phải chịu 4.295.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/09297 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 04/11/2019).

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lò Văn Lịch